Khu Học Chánh Garden Grove

10331 Stanford Avenue Garden Grove, CA 92840 ▪ www.ggusd.us
Gabriela Mafi, Ed.D., Tổng Quản trị Khu Học chánh ▪ gmafi@ggusd.us ▪ (714) 663-6000

SARC

2023-24

Bản Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường

Ấn hành trong năm học 2024-25

Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành của GGUSD

Các lớp Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành tuổi từ 18 đến 22
Mã số CDS 30-66522-6104129

Joell Sparks, Hiệu trưởng
jsparks@ggusd.us

9915 Woodbury Avenue
Garden Grove, CA 92844
(714) 663-6486

http://jslc.ggusd.us

Lưu ý

Do tính chất chuyên biệt của việc giảng dạy tại Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành của GGUSD, không có dữ kiện để báo cáo về Trắc nghiệm Thể lực của California, các chương trình hướng nghiệp và dạy nghề, các môn học Xếp lớp Trình độ Cao (AP), hoặc các môn để được nhận vào Đại học University of California và Đại học California State University. Để biết thêm thông tin, vui lòng vào www.ggusd.us hoặc viếng thăm trường.

Giới thiệu về trường

Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành dành cho học sinh đã đạt chứng chỉ đi học đầy đủ (Certificate of Attendance) từ trường trung học của mình. Học sinh sẽ tham gia vào chương trình trong độ tuổi từ 18 đến 22. Chương trình dạy học sinh sống tại các thành phố Garden Grove, Anaheim, Stanton, Cypress, Westminster, Fountain Valley và Santa Ana.

Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành được lập ra để hỗ trợ cho học sinh chương trình giáo dục đặc biệt chuyển tiếp từ vai trò học sinh trung học sang vai trò người trưởng thành có đóng góp trong cộng đồng. Cộng đồng địa phương được dùng như là một phương tiện để củng cố việc giảng dạy. Phương pháp Giảng dạy Dựa vào Cộng đồng (Community Based Instruction) được thiết kế để học sinh tiếp thu kỹ năng trong một môi trường tự nhiên hơn, sử dụng các sự kiện và tình huống mà học sinh sẽ gặp phải trong suốt cuộc đời khi trưởng thành. Học sinh tham gia trong nhiều lãnh vực chức năng, bao gồm chức năng học hỏi, kỹ năng xã hội, giao tiếp, kỹ năng nghề nghiệp, sinh sống hàng ngày, giải trí và thư giãn. Học sinh tham gia trong các sinh hoạt cộng đồng khi thích hợp.

An toàn trường học

Duy trì môi trường an toàn và trật tự là điều cần thiết cho việc học. Trường của Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành là ngôi trường đóng kín, và khách đến trường phải lập tức ghi tên tại văn phòng trường trước khi bước vô khuôn viên trường. Ban giám hiệu, giáo viên và nhân viên hành chánh, nhân viên văn phòng trường, và các nhân viên bảo trì và trông coi trường theo dõi việc ra vô trường.

Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành tổ chức một uỷ ban an toàn trường học gồm có giáo viên và nhân viên hành chánh, là những người họp với nhau trong năm để giải quyết các vấn đề về an toàn cho học sinh và nhân viên. Một kế hoạch an toàn trường học toàn diện được xem xét và cập nhật hàng năm. Lần cập nhật và xem xét gần đây nhất với nhân viên trường là vào tháng 11 năm 2024.

Cả học sinh và nhân viên đều tham gia vào các buổi thực tập khẩn cấp định kỳ nhằm củng cố và thực hành các cách thức và thao tác khẩn cấp.

Phát triển chuyên môn

Chương trình phát triển chuyên môn của Khu Học chánh Garden Grove đặt trọng tâm vào cách giảng dạy hữu hiệu dựa trên nghiên cứu, trong đó lồng vào các phương cách tạo khung mẫu và sự khác biệt cho học sinh đủ mọi thành phần. Giáo viên được hỗ trợ áp dụng cách giảng dạy hữu hiệu thông qua việc huấn luyện bao quát và hỗ trợ có mục tiêu trong lớp. Việc sử dụng dữ kiện thành tích của học sinh cũng hỗ trợ đưa ra các mục tiêu và kỳ vọng rõ ràng cho việc soạn thảo kế hoạch huấn luyện tại chức cho giáo viên và phụ tá có kinh nghiệm.

Các buổi hướng dẫn chuyên sâu được tổ chức vào cuối tháng Tám trong tuần lễ trước khi khai giảng để trang bị kiến thức mới và nâng cao kỹ năng cho giáo viên cho năm học sắp tới, với trọng tâm là các phương cách hỗ trợ việc học ngôn ngữ trong các lớp toán, Anh ngữ và các môn khác. Trong suốt năm học, vào sau giờ học và vào những ngày tan học sớm khu học chánh có tổ chức các buổi phát triển chuyên môn cho giáo viên để hướng dẫn ngay trong lớp cách giảng dạy cũng như tạo cơ hội để giáo viên hiểu các tiêu chuẩn và chương trình học. Ngoài ra, mỗi năm có một ngày học sinh nghỉ học được dành ra để phát triển chuyên môn cho tất cả giáo viên trung học trong khu học chánh. Giáo viên cộng tác với nhau trong các nhóm có cấp lớp và môn học tương tự trong suốt năm học để chuẩn bị giáo án, phân tích dữ kiện về thành tích và bài làm của học sinh nhằm bảo đảm một chương trình học có phẩm chất cao và nghiêm ngặt với kỳ vọng cao cho học sinh.

Giáo viên mới vào được cung cấp một chương trình huấn luyện giáo viên mới bao quát. Cách đứng lớp, chương trình căn bản của khu học chánh, phiếu điểm, các buổi họp phụ huynh-giáo viên, và cách giảng dạy dựa trên nghiên cứu là vài trong số các chủ đề huấn luyện cho giáo viên mới.

Các ngày dành để phát triển chuyên môn			Dữ kiện trong ba năm
	2022-23	**2023-24**	**2024-25**
Số ngày học dành riêng cho việc phát triển chuyên môn và liên tục cải tiến	Ít nhất bốn ngày trước năm học và một ngày trong năm học dành cho trường trung học mà thôi	Ít nhất bốn ngày trước năm học và một ngày trong năm học dành cho trường trung học mà thôi	Ít nhất bốn ngày trước năm học và một ngày trong năm học dành cho trường trung học mà thôi

Tuyên ngôn Sứ mệnh của Khu Học chánh

Để bảo đảm học sinh thành công, chúng tôi sẽ cung cấp một kinh nghiệm học tập nghiêm ngặt và hỗ trợ nhằm thúc đẩy tất cả học sinh đáp ứng các kỳ vọng cao.

Tuyên bố Viễn kiến của Khu Học chánh

Chúng tôi cam kết chuẩn bị cho tất cả học sinh để trở thành những công dân thành công và có trách nhiệm nhằm đóng góp và thăng tiến trong một xã hội đa dạng.

GARDEN GROVE UNIFIED SCHOOL DISTRICT

Bản Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường

Tuân thủ với quy định của liên bang và tiểu bang, hàng năm tất cả các trường công lập đều phải thực hiện Bản Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường (School Accountability Report Card, viết tắt là SARC) như là công cụ để phụ huynh và những ai quan tâm biết được về sự tiến triển, kết quả thi và thành tích của trường.

Số học sinh tính theo nhóm

Trường có tổng số 104 học sinh trong năm học 2023-24. Biểu đồ hình tròn cho thấy tỷ lệ phần trăm học sinh trong mỗi nhóm.

Thành phần học sinh — **Năm học 2023-24**

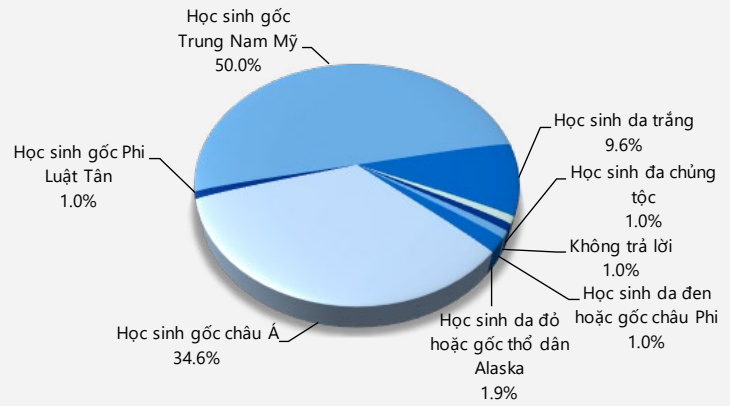

Số học sinh tính theo nhóm

Thành phần học sinh	
Năm học 2023-24	
Học sinh nữ	23.10%
Học sinh nam	76.90%
Học sinh không xác định giới tính	0.00%
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	24.00%
Học sinh được nhận nuôi	1.90%
Học sinh không nhà	1.00%
Học sinh di cư	1.00%
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	85.60%
Học sinh khuyết tật	100.00%

Sự vắng mặt thường xuyên tính theo nhóm học sinh

Sự vắng mặt thường xuyên tính theo nhóm học sinh — **Năm học 2023-24**

Nhóm học sinh	Tổng số tích luỹ	Tổng số đạt tiêu chuẩn vắng mặt thường xuyên	Con số vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	108	107	51	47.70%
Học sinh nữ	25	24	13	54.20%
Học sinh nam	83	83	38	45.80%
Học sinh không xác định giới tính	0	0	0	0.00%
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	0	0	0	0.00%
Học sinh gốc châu Á	39	39	14	35.90%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	0	0	0	0.00%
Học sinh gốc Phi Luật Tân	0	0	0	0.00%
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	53	52	28	53.80%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	0	0	0	0.00%
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	0	0	0	0.00%
Học sinh da trắng	0	0	0	0.00%
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	27	27	11	40.70%
Học sinh được nhận nuôi	0	0	0	0.00%
Học sinh không nhà	0	0	0	0.00%
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	90	90	43	47.80%
Học sinh nhận dịch vụ Giáo dục Di cư	0	0	0	0.00%
Học sinh khuyết tật	108	107	51	47.70%

Số học sinh tính theo cấp lớp

Biểu đồ hình thanh cho thấy con số tổng số học sinh ghi danh trong mỗi cấp lớp trong năm học 2023-24.

Số học sinh tính theo cấp lớp trong năm học 2023-24

Phân bổ theo sĩ số lớp học

Không có dữ kiện trong ba năm về sĩ số lớp học.

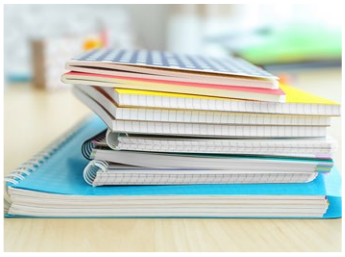

Đình chỉ học và đuổi học

Bảng này cho thấy tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học và bị đuổi học ở trường, khu học chánh, và tiểu bang được thu thập từ tháng Bảy đến tháng Sáu, của mỗi năm học cả năm theo thứ tự. Lưu ý: Học sinh chỉ bị đếm một lần, bất kể số lần bị đình chỉ học.

Đình chỉ học và đuổi học									Dữ kiện trong ba năm
	Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành của GGUSD			Khu Học Chánh Garden Grove			California		
	21-22	22-23	23-24	21-22	22-23	23-24	21-22	22-23	23-24
Tỷ lệ bị đình chỉ học	0.90%	0.90%	1.90%	2.90%	3.30%	2.50%	3.20%	3.60%	3.30%
Tỷ lệ bị đuổi học	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.10%	0.10%	0.10%

Đình chỉ học và đuổi học theo nhóm học sinh

Đình chỉ học và đuổi học theo nhóm học sinh		Năm học 2023-24
Nhóm học sinh	**Tỷ lệ bị đình chỉ học**	**Tỷ lệ bị đuổi học**
Tất cả học sinh	1.90%	0.00%
Học sinh nữ	4.00%	0.00%
Học sinh nam	1.20%	0.00%
Học sinh không xác định giới tính	0.00%	0.00%
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	0.00%	0.00%
Học sinh gốc châu Á	0.00%	0.00%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	0.00%	0.00%
Học sinh gốc Phi Luật Tân	0.00%	0.00%
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	3.80%	0.00%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	0.00%	0.00%
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	0.00%	0.00%
Học sinh da trắng	0.00%	0.00%
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	3.70%	0.00%
Học sinh được nhận nuôi	0.00%	0.00%
Học sinh không nhà	0.00%	0.00%
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	2.20%	0.00%
Học sinh nhận dịch vụ Giáo dục Di cư	0.00%	0.00%
Học sinh khuyết tật	1.90%	0.00%

Các chương trình của trường

Khu học chánh nhận thêm ngân quỹ cho một số dịch vụ và chương trình đặc biệt. Trong số các chương trình đặc biệt có tại trường có những chương trình sau đây:

- Dịch vụ Trẻ em California
- Trung tâm Cấp Vùng Orange County
- Giáo dục Đặc biệt
- Sở Vận chuyển Orange County
- Khả năng làm việc
- Các chương trình học hè cho chương trình giáo dục đặc biệt
- Dịch vụ Dinh dưỡng của GGUSD

Khu Học chánh Garden Grove nỗ lực bảo đảm tất cả học sinh đều được bình đẳng có một chương trình học có phẩm chất, dựa vào tiêu chuẩn. Phụ huynh ở trường tham gia vào việc lập quyết định thông qua Chương trình Giáo dục Riêng cho Cá nhân (IEP). Nhân viên trường tham gia vào việc lập quyết định thông qua các cuộc khảo sát, các chương trình phát triển chuyên môn cho nhân viên, các buổi họp nhân viên, và các uỷ ban khác nhau của trường.

Trường sử dụng các thẩm định thành tích trong lớp, việc quan sát lớp học, và sự tham gia trong lớp của học sinh để có một hồ sơ toàn diện về thành tích cá nhân của học sinh. Phiếu điểm, tên gọi đầy đủ là Bản Báo cáo cho Phụ huynh về Sự Tiến triển của Mục tiêu/Mục đích Chương trình Giáo dục Riêng cho Cá nhân (IEP) được phát ra mỗi ba tháng. Trong đó bao gồm tóm tắt chi tiết về sự tiến triển từng học sinh đã đạt được tiến tới các mục tiêu IEP mà học sinh đề ra. Các đề nghị cho từng mục tiêu cũng được mô tả trong bản báo cáo, như "Goal Met" (đã đạt mục tiêu), "Continue Goal" (tiếp tục mục tiêu), hoặc "Goal Not Met" (chưa đạt mục tiêu).

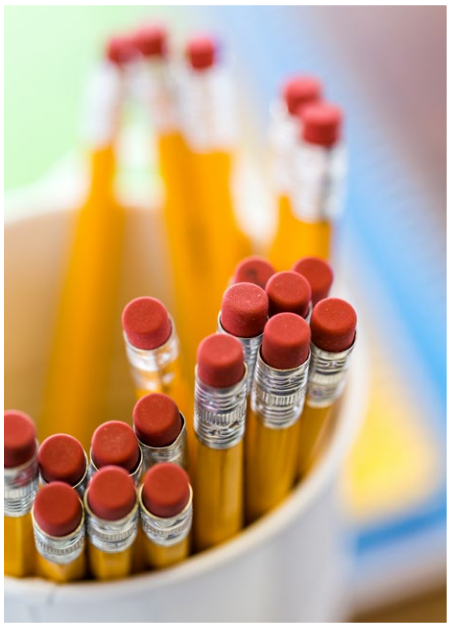

Các thẩm định toàn tiểu bang

Các thẩm định toàn tiểu bang ví dụ như Hệ thống Thẩm định của California về Trình độ và Sự Tiến triển của Học sinh [California Assessment of Student Performance and Progress, viết tắt là CAASPP] bao gồm Các Thẩm định Tổng kết Cân bằng Thông minh hơn [Smarter Balanced Summative Assessments] dành cho học sinh trong chương trình giáo dục phổ thông và Các Thẩm định Thay thế của California [California Alternate Assessments, viết tắt là CAAs] cho môn Anh ngữ/đọc viết và môn toán từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. Chỉ có những học sinh đạt tiêu chuẩn mới được tham dự trong các thẩm định CAAs. Các mục của thẩm định CAAs theo sát với các tiêu chuẩn thay thế về thành tích được liên kết với Các Tiêu chuẩn Phổ thông Chính của Tiểu bang [Common Core State Standards, viết tắt là CCSS] dành cho học sinh bị khuyết tật về nhận thức đáng kể nhất.

Hệ thống CAASPP bao gồm các thẩm định và điều kiện để học sinh được tham gia sau đây:

1. Các Thẩm định Tổng kết Cân bằng Thông minh hơn (Smarter Balanced Summative Assessments) và Các Thẩm định Thay thế của California (CAAs) cho môn Anh ngữ từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. Các Thẩm định Tổng kết Cân bằng Thông minh hơn (Smarter Balanced Summative Assessments) và Các Thẩm định Thay thế của California (CAAs) cho môn toán từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. Trắc nghiệm Khoa học của California (California Science Test, viết tắt là CAST) và Các Thẩm định Thay thế của California cho môn Khoa học cho các lớp 5, 8, và một lần ở trung học (ví dụ như lớp 10, 11, hoặc 12).

Kết quả trắc nghiệm CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng dưới đây cho thấy tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn Tiểu bang về CAASPP– Trắc nghiệm Khoa học của California (CAST) và Thẩm định Thay thế của California cho môn Khoa học (CAA for Science) cho các lớp 5, 8, và một lần ở trung học (ví dụ như lớp 10, 11, hoặc 12).

Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang					Dữ kiện trong hai năm	
	Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành của GGUSD		Khu Học Chánh Garden Grove		California	
Môn học	**22-23**	**23-24**	**22-23**	**23-24**	**22-23**	**23-24**
Khoa học	❖	❖	37.69%	38.27%	30.29%	30.73%

Kết quả Trắc nghiệm CAASPP môn Anh ngữ và môn toán dành cho tất cả học sinh

Bảng dưới đây cho thấy tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn Tiểu bang trong Thẩm định của California về Trình độ và Sự Tiến bộ của Học sinh (California Assessment of Student Performance and Progress, viết tắt là CAASPP), Các Thẩm định Tổng kết Cân bằng Thông minh hơn (Smarter Balanced Summative Assessments), và Các Thẩm định Thay thế của California (California Alternate Assessments, viết tắt là CAAs) cho môn Anh ngữ/đọc viết (ELA) và môn toán cho các lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.

Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang					Dữ kiện trong hai năm	
	Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành của GGUSD		Khu Học Chánh Garden Grove		California	
Môn học	**22-23**	**23-24**	**22-23**	**23-24**	**22-23**	**23-24**
Anh ngữ/đọc viết	❖	❖	58%	59%	46%	47%
Toán	❖	❖	48%	48%	34%	35%

❖ Điểm số không được đăng khi số học sinh được trắc nghiệm là mười hoặc ít hơn, vì số học sinh trong mục này có quá ít để có thống kê chính xác hoặc vì để bảo vệ sự riêng tư cho học sinh.

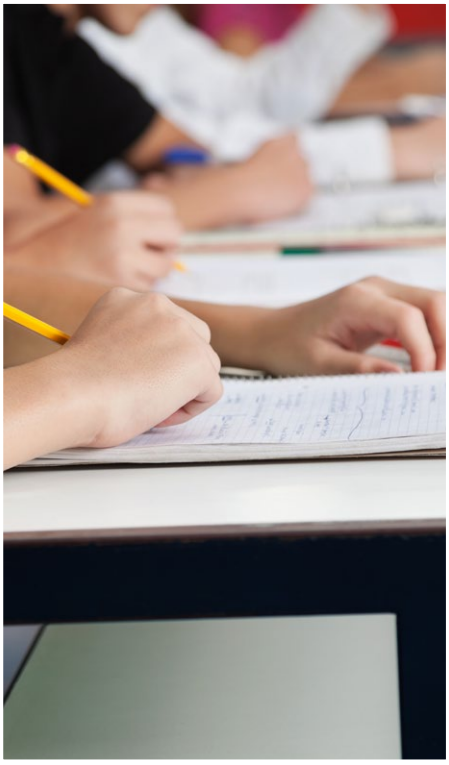

Kết quả trắc nghiệm CAASPP tính theo nhóm học sinh: môn Khoa học, Anh ngữ và Toán

Những bảng trong những trang sau đây cho thấy tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang trong môn khoa học, Anh ngữ/đọc viết và toán ở trường tính theo nhóm học sinh.

"Tỷ lệ phần trăm đạt hoặc vượt" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn trong Thẩm định Tổng kết Cân bằng Thông minh hơn cộng với tổng số học sinh đạt tiêu chuẩn trong Thẩm định Thay thế của California (CAA) rồi chia cho tổng số học sinh đã tham gia cả hai thẩm định.

Lưu ý: Số học sinh được thẩm định bao gồm tất cả học sinh đã tham gia thẩm định dù có nhận được điểm hay không. Tuy nhiên, số học sinh được thẩm định không phải là con số được dùng để tính tỷ lệ phần trăm mức độ thành tích. Tỷ lệ phần trăm mức độ thành tích được tính bằng cách chỉ sử dụng những học sinh mà có nhận được điểm.

Kết quả trắc nghiệm CAASPP tính theo nhóm học sinh: môn Khoa học (trung học)

Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang

Năm học 2023-24

Khoa học

Nhóm	Tổng số học sinh	Số học sinh được trắc nghiệm	Tỷ lệ phần trăm được trắc nghiệm	Tỷ lệ phần trăm không được trắc nghiệm	Tỷ lệ phần trăm đạt hoặc vượt
Tất cả học sinh	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh nữ	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh nam	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Phi Luật Tân	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh da trắng	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh được nhận nuôi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh không nhà	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gia đình quân đội	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh nhận dịch vụ Giáo dục Di cư	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh khuyết tật	❖	❖	❖	❖	❖

❖ Điểm số không được đăng khi số học sinh được trắc nghiệm là mười hoặc ít hơn, vì số học sinh trong mục này có quá ít để có thống kê chính xác hoặc vì để bảo vệ sự riêng tư cho học sinh.

Kết quả trắc nghiệm CAASPP tính theo nhóm học sinh: môn Anh ngữ (lớp 11)

Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang					Năm học 2023-24
Anh ngữ					
Nhóm	**Tổng số học sinh**	**Số học sinh được trắc nghiệm**	**Tỷ lệ phần trăm được trắc nghiệm**	**Tỷ lệ phần trăm không được trắc nghiệm**	**Tỷ lệ phần trăm đạt hoặc vượt**
Tất cả học sinh	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh nữ	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh nam	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Phi Luật Tân	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh da trắng	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh được nhận nuôi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh không nhà	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gia đình quân đội	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh nhận dịch vụ Giáo dục Di cư	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh khuyết tật	❖	❖	❖	❖	❖

❖ Điểm số không được đăng khi số học sinh được trắc nghiệm là mười hoặc ít hơn, vì số học sinh trong mục này có quá ít để có thống kê chính xác hoặc vì để bảo vệ sự riêng tư cho học sinh.

Kết quả trắc nghiệm CAASPP tính theo nhóm học sinh: môn toán (lớp 11)

Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang					Năm học 2023-24
Toán					
Nhóm	**Tổng số học sinh**	**Số học sinh được trắc nghiệm**	**Tỷ lệ phần trăm được trắc nghiệm**	**Tỷ lệ phần trăm không được trắc nghiệm**	**Tỷ lệ phần trăm đạt hoặc vượt**
Tất cả học sinh	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh nữ	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh nam	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Phi Luật Tân	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh da trắng	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh được nhận nuôi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh không nhà	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gia đình quân đội	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh nhận dịch vụ Giáo dục Di cư	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh khuyết tật	❖	❖	❖	❖	❖

❖ Điểm số không được đăng khi số học sinh được trắc nghiệm là mười hoặc ít hơn, vì số học sinh trong mục này có quá ít để có thống kê chính xác hoặc vì để bảo vệ sự riêng tư cho học sinh.

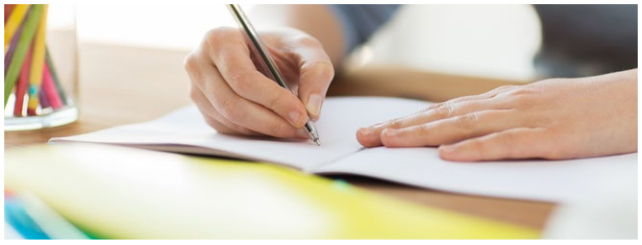

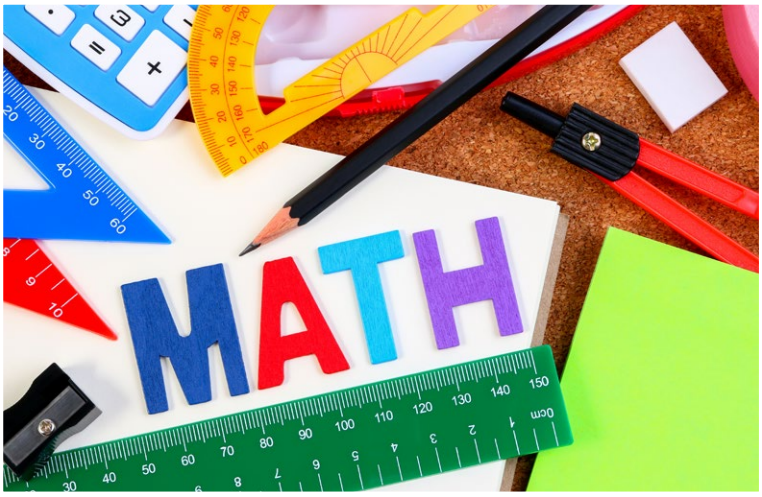

Tỷ lệ tốt nghiệp và bỏ học

Bảng này cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp và bỏ học trong ba năm gần đây nhất mà có dữ kiện. Tỷ lệ tốt nghiệp của nhóm thuần tập được điều chỉnh trong bốn năm là số học sinh tốt nghiệp trong bốn năm với bằng tốt nghiệp trung học thông thường chia cho số học sinh tạo thành nhóm thuần tập được điều chỉnh cho lớp tốt nghiệp. Sau đây là cách tính: Từ đầu năm lớp 9 (hoặc lớp nhỏ nhất ở trung học), những học sinh vào lớp đó lần đầu tạo thành một nhóm thuần tập mà nhóm này được "điều chỉnh" bằng cách cộng vào bất cứ học sinh nào sau đó chuyển vào nhóm và trừ ra bất cứ học sinh nào sau đó ra khỏi nhóm.

Tỷ lệ tốt nghiệp và bỏ học						Dữ kiện trong ba năm
	Tỷ lệ tốt nghiệp			Tỷ lệ bỏ học		
	21-22	22-23	23-24	21-22	22-23	23-24
Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành của GGUSD	❖	❖	❖	❖	❖	❖
Khu Học Chánh Garden Grove	91.40%	92.60%	93.10%	6.80%	5.30%	5.50%
California	87.00%	86.20%	86.40%	7.80%	8.20%	8.90%

Tỷ lệ tốt nghiệp tính theo nhóm học sinh (Tỷ lệ nhóm thuần tập bốn năm)

Tỷ lệ tốt nghiệp tính theo nhóm học sinh			Năm học 2023-24
Nhóm học sinh	**Số học sinh trong nhóm thuần tập**	**Số học sinh tốt nghiệp của nhóm thuần tập**	**Tỷ lệ tốt nghiệp của nhóm thuần tập**
Tất cả học sinh	❖	❖	❖
Học sinh nữ	❖	❖	❖
Học sinh nam	❖	❖	❖
Học sinh không xác định giới tính	❖	❖	❖
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	❖	❖	❖
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	❖	❖
Học sinh gốc Phi Luật Tân	❖	❖	❖
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	❖	❖	❖
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	❖	❖
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	❖	❖	❖
Học sinh da trắng	❖	❖	❖
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	❖	❖	❖
Học sinh được nhận nuôi	❖	❖	❖
Học sinh không nhà	❖	❖	❖
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	❖	❖	❖
Học sinh nhận dịch vụ Giáo dục Di cư	❖	❖	❖
Học sinh khuyết tật	❖	❖	❖

Để biết thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp của nhóm thuần tập được điều chỉnh trong bốn năm (viết tắt là ACGR), hãy vào trang https://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

❖ Điểm số không được đăng khi số học sinh được trắc nghiệm là mười hoặc ít hơn, vì số học sinh trong mục này có quá ít để có thống kê chính xác hoặc vì để bảo vệ sự riêng tư cho học sinh.

Các đòi hỏi để được nhận vào Đại học University of California (UC) và/hoặc Đại học California State University (CSU)

Các đòi hỏi để được nhận vào Đại học UC tuân theo các hướng dẫn được quy định trong Kế hoạch Tổng thể (Master Plan), trong đó đòi hỏi rằng một phần tám học sinh tốt nghiệp trung học hàng đầu của tiểu bang, cũng như sinh viên chuyển tiếp đã hoàn tất thành công các lớp bắt buộc ở bậc cao đẳng, thì đạt tiêu chuẩn để được nhận vào Đại học UC. Những đòi hỏi này được lập ra để bảo đảm rằng tất cả học sinh đạt tiêu chuẩn đều đã được chuẩn bị đầy đủ cho trình độ đại học. Để biết về các đòi hỏi tổng quát để được nhận vào, hãy vào trang thông tin tuyển sinh của UC tại https://admission.universityofcalifornia.edu.

Tiêu chuẩn để được nhận vào Đại học CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các môn học bắt buộc ở trung học, (2) Điểm trong các môn học bắt buộc và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho một số ngành học hoặc đối với học sinh sống ngoài vùng địa giới của trường. Do con số học sinh nộp đơn, một vài trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chí nhận vào bổ sung) cho tất cả học sinh nộp đơn. Hầu hết các trường CSU đều có chính sách bảo đảm nhận học sinh địa phương đã tốt nghiệp trung học hoặc chuyển tiếp từ trường đại học cộng đồng mà những trường này đã từng được một trường CSU trong vùng đó đón nhận. Để biết thông tin về việc nhận vào, thủ tục nộp đơn và lệ phí, hãy vào trang của CSU tại https://www2.calstate.edu.

Bảng Thông số Trường học California

Bảng Thông số Trường học California (California School Dashboard, viết tắt là Dashboard) tại https://www.caschool-dashboard.org/ phản ảnh hệ thống trách nhiệm và liên tục cải tiến mới của California và cung cấp thông tin về cách các cơ quan giáo dục địa phương và trường học đáp ứng nhu cầu của thành phần học sinh đa dạng của California. Bảng Thông số có các báo cáo cho thấy thành tích của các cơ quan giáo dục địa phương, trường học, và nhóm học sinh dựa theo tiêu chuẩn của tiểu bang và địa phương nhằm hỗ trợ trong việc xác định các điểm mạnh, các khó khăn, và các lãnh vực cần cải thiện.

Sách giáo khoa và học liệu

Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành sử dụng nhiều công cụ theo dõi sự tiến triển và học liệu hướng dẫn để trực tiếp hướng dẫn và ghi lại sự tiến triển ở các mục tiêu và mục đích của Chương trình Giáo dục Riêng cho Cá nhân (IEP). Những công cụ này bao gồm Unique Learning Systems, Brigance, và các đánh giá dựa theo chương trình học. Dữ kiện được thu thập bằng các công cụ phổ biến để đánh giá sự tiến triển của các mục tiêu học sinh đã định.

Sự sẵn có của sách giáo khoa và học liệu

Liệt kê sau đây là tỷ lệ phần trăm học sinh bị thiếu sách giáo khoa và học liệu riêng của mình.

Tỷ lệ phần trăm học sinh bị thiếu học liệu tính theo môn học	Năm học 2024-25
Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành của GGUSD	**Tỷ lệ phần trăm bị thiếu**
Đọc/Anh ngữ	0%
Toán	0%
Khoa học	0%
Lịch sử/Khoa học xã hội	0%
Nghệ thuật hình ảnh và trình diễn	0%
Ngoại ngữ	0%
Sức khoẻ	0%
Thiết bị thí nghiệm khoa học	0%

Sự hiện hành của sách giáo khoa

Bảng này cho thấy ngày mà buổi lắng nghe gần đây nhất được tổ chức để thông qua nghị quyết về tính đầy đủ của học liệu.

Sự hiện hành của sách giáo khoa	Năm học 2024-25
Ngày thu thập dữ kiện	9/3/2024

Phẩm chất của sách giáo khoa

Bảng sau đây phát thảo các tiêu chí cần thiết để chọn sách giáo khoa và học liệu.

Phẩm chất của sách giáo khoa	Năm học 2024-25
Tiêu chí	**Có/Không**
Sách giáo khoa có được chọn từ danh sách được tiểu bang chuẩn thuận hoặc hội đồng giáo dục địa phương chuẩn thuận gần đây nhất hay không?	Có

Truy cập Internet công cộng

Những ai không thể truy cập Internet tại nhà có thể sử dụng máy điện toán có nối Internet tại các thư viện công cộng trong phạm vi Khu Học chánh Garden Grove để lấy xuống và xem các Bản Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường. Việc truy cập Internet tại thư viện thường theo quy tắc ai tới trước thì dùng trước. Có các hạn chế sử dụng khác bao gồm giờ mở cửa, thời gian được sử dụng máy (tuỳ thuộc vào việc có máy hay không), các loại nhu liệu có trong máy, và khả năng in được tài liệu.

Vui lòng xem dưới đây để biết thông tin liên lạc thư viện cho cộng đồng của quý vị.

Thư viện công cộng Orange County Public Library
Điện thoại: (714) 566-3000
www.ocpl.org

Thư viện công cộng Anaheim Public Library
Điện thoại: (714) 765-1880
www.anaheim.net/library

Thư viện công cộng Santa Ana Public Library
Điện thoại: (714) 647-5250
www.santa-ana.org/library

Thư viện công cộng Orange County Public Library phục vụ các thành phố Cypress, Fountain Valley, Westminster, Garden Grove và Stanton trong phạm vi Khu Học chánh Garden Grove.

Sự tham gia của phụ huynh

Có nhiều cơ hội trong khu học chánh để phụ huynh tham dự qua việc tham gia vào các hội phụ huynh hỗ trợ, hội cổ động cho học sinh, hội đồng nhà trường, và các uỷ ban cố vấn cấp khu học chánh.

Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành chú trọng vào những người trẻ tuổi đang chuyển tiếp để trở thành các thành viên độc lập trong cộng đồng. Phụ huynh trong chương trình có thể có cơ hội tham gia bằng cách tình nguyện tại các sinh hoạt toàn trường, giúp gây quỹ, tặng phẩm vật cho các sự kiện đặc biệt, vận động sự hỗ trợ từ các cơ quan cộng đồng, và đi kèm học sinh đến các trải nghiệm cộng đồng bên ngoài trường theo từng lớp hay toàn trường. Phụ huynh có thể tham dự các sự kiện và các đêm hướng dẫn thông tin của trường.

Để biết thêm về cách tham gia ở trường, vui lòng liên lạc hiệu trưởng Joell Sparks ở số (714) 663-6486.

Tình trạng giữ gìn tốt phòng ốc của trường

Bảng này cho thấy kết quả của lần thanh tra gần đây nhất của trường sử dụng Công cụ Thanh tra Phòng ốc (Facility Inspection Tool, viết tắt là FIT) hoặc mẫu tương tự. Việc thanh tra này xác định tình trạng giữ gìn tốt phòng ốc của trường bằng cách sử dụng các xếp hạng như tốt, trung bình hoặc kém. Phần tóm tắt tổng quát về tình trạng phòng ốc sử dụng các xếp hạng như xuất sắc, tốt, trung bình hoặc kém. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin về tình trạng phòng ốc của trường bằng cách nói chuyện với hiệu trưởng.

Tình trạng giữ gìn tốt phòng ốc của trường	Năm học 2024-25
Hạng mục được thanh tra	**Tình trạng giữ gìn**
Các hệ thống: Rò rỉ khí đốt, cống rãnh, hệ thống cơ khí (sưởi, thông gió và làm lạnh)	Tốt
Bên trong: Bề mặt bên trong (sàn, trần, tường và khung cửa sổ)	Tốt
Sự sạch sẽ: Diệt sâu bọ/cháy rận, sạch sẽ toàn diện	Tốt
Điện: Các hệ thống điện	Tốt
Nhà vệ sinh/vòi nước: Nhà vệ sinh, bồn và vòi nước uống	Tốt
An toàn: An toàn cháy nổ, các hệ thống khẩn cấp, vật liệu nguy hiểm	Tốt
Cấu trúc: Tình trạng cấu trúc, mái nhà	Tốt
Bên ngoài: Cửa sổ/Cửa ra vào/Cổng/Hàng rào, sân chơi/sân trường	Tốt
Tóm tắt tổng quát tình trạng phòng ốc	Xuất sắc
Ngày của bản báo cáo FIT gần đây nhất	6/14/2024

Phòng ốc của trường

Khu Học chánh Garden Grove (GGUSD) tiếp tục hãnh diện về việc duy trì phòng ốc tốt để tạo môi trường học tập và làm việc an toàn cho học sinh và nhân viên. Nhân viên trông coi trường và nhân viên bảo trì của khu học chánh tiến hành kiểm tra thường xuyên để bảo đảm tất cả các địa điểm đều sạch sẽ, an toàn, được bảo trì tốt và trong tình trạng tốt. Các đội dọn dẹp lưu động đã được huy động để hỗ trợ dọn dẹp kỹ. Ban Bảo trì đang trong quá trình thực hiện các chương trình bảo trì phòng ngừa để bảo đảm tất cả các trường học đều được giữ ở mức hoạt động hữu hiệu. Tất cả các phòng học, sân chơi và nơi làm việc cho học sinh và nhân viên đều đáp ứng các quy định của Bộ luật Giáo dục về sức chứa của phòng ốc.

Hội đồng Giáo dục đã thông qua một chương trình bảo trì trong 5 năm để sửa sang trường lớp, và các công trình sửa sang lớn được phê chuẩn hàng năm khi cần. Nhân viên phụ trách xoá hình chữ vẽ bậy giúp giữ cho trường học không có hình chữ vẽ bậy.

Khu Học chánh Garden Grove luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của môi trường sạch sẽ, an toàn để học tập và làm việc. Môi trường của mỗi trường học là niềm hãnh diện của học sinh, nhân viên và phụ huynh. Để bảo đảm phòng ốc được giữ gìn tốt, nhân viên trông coi trường ở mỗi địa điểm thực hiện việc kiểm tra hàng tháng, và ban bảo trì của khu học chánh cố gắng hoàn thành công việc kịp thời. Một số trường đã trồng các khu vườn riêng, cho phép các dự án được bảo trợ bởi hội phụ huynh học sinh (PTA) lẫn chương trình Hướng đạo Đại bàng với Hướng đạo sinh Hoa kỳ (Boys Scouts of America) nhằm làm đẹp hơn các ngôi trường trong toàn khu học chánh.

Trường của Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành của GGUSD được xây vào năm 1967. Trường có sáu phòng học cố định và ba phòng học tiền chế. Trường có hai hội trường, nhà bếp đầy đủ chức năng và sân bóng rổ.

Vào tháng Sáu năm 2010, cử tri đã bỏ phiếu cho Đạo Luật A, cho phép Khu Học chánh Garden Grove phát hành trái phiếu công ích trị giá $250 triệu và tạo điều kiện để đạt tiêu chuẩn nhận lên đến $200 triệu tài trợ tương ứng của tiểu bang cho các dự án sửa chữa, cải thiện và hiện đại hoá cơ sở hạ tầng quy mô lớn. Như một khoản thưởng thêm, khu học chánh còn nhận được $47 triệu tài trợ bổ sung để cải thiện trường lớp, nâng tổng ngân sách của Đạo luật A lên đến $503 triệu trong bảy tới tám năm cần thiết để hoàn thành tất cả các dự án được tài trợ bằng trái phiếu. Ngoài ra, vào năm 2016 cử tri đã bỏ phiếu cho Đạo luật P cho phép $311 triệu giúp khu học chánh thực hiện nhiều dự án sửa sang bao gồm nâng cấp khả năng chống động đất, xây các sân vận động thể thao mới, gắn thêm máy lạnh và cải tiến khả năng tiết kiệm năng lượng cho tất cả các trường tiểu học còn lại.

Tiếp theo ở thanh bên

Chuẩn bị tham gia vào lực lượng lao động

Trọng tâm chính của Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành là chuẩn bị cho học sinh vào đời sau 22 tuổi. Học sinh có được những công việc do trường giới thiệu vào làm ở các công ty địa phương. Trường giúp làm hồ sơ lý lịch việc làm và tổ chức nhiều buổi huấn luyện ngay tại chỗ làm.

Phòng ốc của trường

Tiếp theo từ bên trái

Số tiền thu được từ trái phiếu, cộng với tiền tài trợ tương ứng của tiểu bang, đang trang trải cho nhiều dự án sửa sang trường lớp như nâng cấp các hệ thống mạch điện, ống nước, chiếu sáng, mái nhà, liên lạc nội bộ và hệ thống phòng cháy; cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng; thay cửa ra vào, cửa sổ, và các hệ thống sưởi và thông gió lỗi thời; thay thiết bị sân chơi và tấm lót an toàn; nâng cấp hệ thống viễn thông để thích ứng với kỹ thuật hiện nay; thay ống nước, gạch lót sàn và các vật cố định trong nhà vệ sinh; cải tiến trường lớp để người khuyết tật dễ lui tới; chôn các ống dẫn ngầm mới để đáp ứng cho sự phát triển kỹ thuật; thay thảm mới trong phòng học; sơn lại bên trong và ngoài trường; và lắp hệ thống đường ống khí đốt ngầm mới.

Chúng tôi đã hoàn thành việc gắn máy lạnh cho các lớp học ở tất cả 65 trường. Tất cả bảy trường trung học đã hoàn thành việc hiện đại hoá. Trong toàn khu học chánh, các dự án hiện đại hoá được thực hiện đúng thời hạn và trong ngân sách. Tất cả bảy trường trung học toàn diện đều hoàn tất việc gắn đèn LED ở sân banh và sân quần vợt. Chúng tôi cám ơn sự kiên nhẫn của quý vị trong lúc chúng tôi làm việc để bảo đảm rằng tất cả trường học của chúng ta luôn là nơi thành công và thoải mái để học tập và làm việc.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên

Những bảng này cho thấy con số và tỷ lệ phần trăm của việc cho phép/bổ nhiệm giáo viên cũng như tổng số và tỷ lệ phần trăm các vị trí giảng dạy ở cấp trường, khu học chánh, và tiểu bang. Đối với những câu hỏi liên quan đến việc bổ nhiệm giáo viên dạy ngoài lãnh vực chuyên môn hoặc về tình trạng chứng chỉ của giáo viên, hãy vào trang mạng của Uỷ ban Cấp Chứng chỉ Giáo viên California tại https://www.ctc.ca.gov/.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên						Năm học 2020-21
Sự cho phép/Sự bổ nhiệm	**Con số của trường**	**Tỷ lệ phần trăm của trường**	**Con số của khu học chánh**	**Tỷ lệ phần trăm của khu học chánh**	**Con số của tiểu bang**	**Tỷ lệ phần trăm của tiểu bang**
Được cấp chứng chỉ hoàn toàn (Sơ bộ hoặc toàn bộ) để được phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm đúng cách)	◈	◈	1,441.7	83.1%	228,366.1	83.1%
Người có chứng chỉ thực tập sinh được bổ nhiệm đúng cách	◈	◈	0.5	0.0%	4,205.9	1.5%
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm không đúng cách ("không hiệu quả" theo Đạo luật ESSA)	◈	◈	80.7	4.7%	11,216.7	4.1%
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực ("ngoài lãnh vực" theo Đạo luật ESSA)	◈	◈	8.5	0.5%	12,115.8	4.4%
Không xác định	◈	◈	202.6	11.7%	18,854.3	6.9%
Tổng số vị trí giảng dạy	◈	◈	1,734.1	100.0%	274,759.1	100.0%

◈ Không có thông tin vào lúc này.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên						Năm học 2021-22
Sự cho phép/Sự bổ nhiệm	**Con số của trường**	**Tỷ lệ phần trăm của trường**	**Con số của khu học chánh**	**Tỷ lệ phần trăm của khu học chánh**	**Con số của tiểu bang**	**Tỷ lệ phần trăm của tiểu bang**
Được cấp chứng chỉ hoàn toàn (Sơ bộ hoặc toàn bộ) để được phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm đúng cách)	◈	◈	1,444.6	85.0%	234,405.2	84.0%
Người có chứng chỉ thực tập sinh được bổ nhiệm đúng cách	◈	◈	1.5	0.1%	4,853.0	1.7%
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm không đúng cách ("không hiệu quả" theo Đạo luật ESSA)	◈	◈	67.7	4.0%	12,001.5	4.3%
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực ("ngoài lãnh vực" theo Đạo luật ESSA)	◈	◈	15.4	0.9%	11,953.1	4.3%
Không xác định	◈	◈	170.3	10.0%	15,831.9	5.7%
Tổng số vị trí giảng dạy	◈	◈	1,699.6	100.0%	279,044.8	100.0%

◈ Không có thông tin vào lúc này.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên						Năm học 2022-23
Sự cho phép/Sự bổ nhiệm	**Con số của trường**	**Tỷ lệ phần trăm của trường**	**Con số của khu học chánh**	**Tỷ lệ phần trăm của khu học chánh**	**Con số của tiểu bang**	**Tỷ lệ phần trăm của tiểu bang**
Được cấp chứng chỉ hoàn toàn (Sơ bộ hoặc toàn bộ) để được phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm đúng cách)	3.0	37.5%	1,449.0	84.0%	231,142.4	83.2%
Người có chứng chỉ thực tập sinh được bổ nhiệm đúng cách	0.0	0.0%	0.0	0.0%	5,566.4	2.0%
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm không đúng cách ("không hiệu quả" theo Đạo luật ESSA)	0.0	0.0%	21.8	1.3%	14,938.3	5.4%
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực ("ngoài lãnh vực" theo Đạo luật ESSA)	0.0	0.0%	81.3	4.7%	11,746.9	4.2%
Không xác định	5.0	62.5%	172.5	10.0%	14,303.8	5.2%
Tổng số vị trí giảng dạy	8.0	100.0%	1,724.7	100.0%	277,697.8	100.0%

Lưu ý: Dữ kiện trong các bảng này tính theo tình trạng tương đương toàn thời gian (Full Time Equivalent, viết tắt là FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên mỗi người làm việc 50 phần trăm toàn thời gian. Ngoài ra, sự bổ nhiệm được định nghĩa là một vị trí mà một nhà giáo được bổ nhiệm dựa vào hoàn cảnh, môn học, và cấp lớp. Sự cho phép được định nghĩa là các dịch vụ mà một nhà giáo được phép cung cấp cho học sinh.

Nguồn dữ kiện là của Hệ thống Trách nhiệm Bổ nhiệm của Tiểu bang California (California State Assignment Accountability System, viết tắt là CalSAAS) do Uỷ ban Cấp Chứng chỉ Giáo viên (Commission on Teacher Credentialing) cung cấp. Để biết thông tin về CalSAAS, hãy vào trang của CALPADS tại https://www.cde.ca.gov/ds/sp/cl/calpadsupdflash201.asp.

Để biết thêm thông tin về các định nghĩa liệt kê bên trên, hãy tham khảo trang Updated Teacher Equity Definitions tại https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm không đúng cách

(được coi là "không hiệu quả" theo Đạo luật ESSA)

Bảng này cho thấy con số của sự cho phép/bổ nhiệm giáo viên với giấy phép và giấy miễn; bổ nhiệm không đúng cách; và các vị trí còn trống giáo viên. Đối với những câu hỏi liên quan đến giấy phép, giấy miễn, và việc bổ nhiệm giáo viên không đúng cách, hãy vào trang mạng của Uỷ ban Cấp Chứng chỉ Giáo viên California tại https://www.ctc.ca.gov/.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm không đúng cách		Dữ kiện trong ba năm	
Sự cho phép/Sự bổ nhiệm	**2020-21**	**2021-22**	**2022-23**
Giấy phép và Giấy miễn	◈	◈	0.0
Bổ nhiệm không đúng cách	◈	◈	0.0
Các vị trí còn trống giáo viên	◈	◈	0.0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm không đúng cách	◈	◈	0.0

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực

(được coi là "ngoài lãnh vực" theo Đạo luật ESSA)

Bảng này cho thấy con số giáo viên có chứng chỉ được cho phép nhờ vào giấp phép hoặc giấy miễn và các lựa chọn bổ nhiệm địa phương. Để biết thêm thông tin về các định nghĩa liệt kê bên trên, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn về việc bổ nhiệm tại https://www.ctc.ca.gov/credentials/manuals.

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực		Dữ kiện trong ba năm	
Chỉ dấu	**2020-21**	**2021-22**	**2022-23**
Giáo viên có chứng chỉ được cho phép nhờ vào giấy phép hoặc giấy miễn	◈	◈	0.0
Các lựa chọn bổ nhiệm địa phương	◈	◈	0.0
Tổng số giáo viên ngoài lãnh vực	◈	◈	0.0

Bổ nhiệm lớp học

Bảng này cho thấy tỷ lệ phần trăm các bổ nhiệm không đúng cách các giáo viên dạy Anh ngữ và giáo viên không có chứng chỉ, giấp phép hoặc giấy miễn để giảng dạy. Dữ kiện về việc bổ nhiệm không đúng cách và vị trí còn trống giáo viên phải có sẵn trong văn phòng nhân sự của khu học chánh.

Bổ nhiệm lớp học		Dữ kiện trong ba năm	
Chỉ dấu	**2020-21**	**2021-22**	**2022-23**
Bổ nhiệm không đúng cách giáo viên dạy Anh ngữ (là tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp có học sinh chưa thạo Anh ngữ được dạy bởi giáo viên không được bổ nhiệm đúng cách)	◈	◈	0.0%
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc uỷ quyền giảng dạy (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp được dạy bởi giáo viên không có hồ sơ uỷ quyền giảng dạy)	◈	◈	0.0%

◈ Không có thông tin vào lúc này.

Nguồn dữ kiện là của Hệ thống Trách nhiệm Bổ nhiệm của Tiểu bang California (California State Assignment Accountability System, viết tắt là CalSAAS) do Uỷ ban Cấp Chứng chỉ Giáo viên (Commission on Teacher Credentialing) cung cấp. Để biết thông tin về CalSAAS, hãy vào trang của CALPADS tại https://www.cde.ca.gov/ds/sp/cl/calpadsupdflash201.asp.

Để biết thêm thông tin về các định nghĩa liệt kê bên trên, hãy tham khảo trang cập nhật định nghĩa (Updated Teacher Equity Definitions) tại https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp.

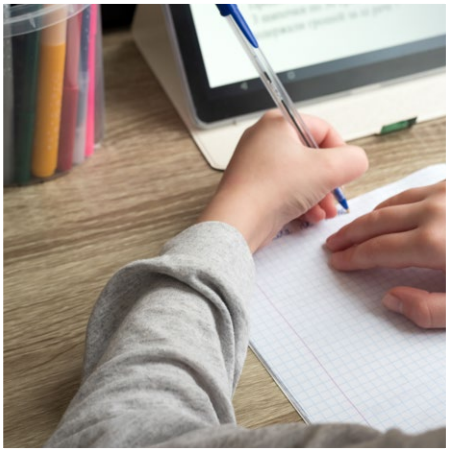

Cố vấn học tập và Nhân viên yểm trợ nhà trường

Bảng này cho thấy thông tin về các cố vấn học tập và nhân viên yểm trợ ở trường và con số tương đương toàn thời gian (FTE).

Dữ kiện về tỷ lệ học sinh so với cố vấn học tập và nhân viên yểm trợ nhà trường	
Năm học 2023-24	
	Tỷ lệ
Học sinh so với cố vấn học tập	✧
Nhân viêm yểm trợ nhà trường	**FTE**
Cố vấn (học tập, cách giao tiếp xã hội/ứng xử hoặc hướng nghiệp)	0.0000
Giáo viên phụ trách các phương tiện truyền thông tại thư viện (quản thủ thư viện)	0.0000
Nhân viên phụ trách các dịch vụ phương tiện truyền thông tại thư viện (phụ tá có kinh nghiệm)	0.0000
Chuyên viên tâm lý	1.3300
Cán sự xã hội	0.0000
Y tá	0.7625
Chuyên viên chỉnh phát âm/ luyện ngữ/thính giác	1.5000
Chuyên viên chương trình giáo dục đặc biệt (không giảng dạy)	0.0000

✧ Không áp dụng.

Dữ kiện tài chánh

Dữ kiện tài chánh trình bày trong bản SARC này là từ tài khoá năm 2022-23. Thông tin về tài khoá mới nhất do tiểu bang cung cấp luôn chậm hơn hai năm so với năm học hiện tại và một năm so với hầu hết các dữ kiện khác có trong báo cáo này. Để biết thông tin chi tiết về chi phí học đường cho tất cả các khu học chánh ở California, hãy vào trang Chi phí giáo dục hiện tại & Chi tiêu cho mỗi học sinh của Bộ Giáo dục California (CDE) tại www.cde.ca.gov/ds/fd/ec. Để biết thông tin về lương của giáo viên cho tất cả các khu học chánh ở California, hãy vào trang Lương & Phúc lợi (Certificated Salaries & Benefits) của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/fd/cs. Để tra cứu các khoản chi tiêu và lương bổng của một khu học chánh nào đó, hãy vào trang mạng của Ed-Data tại www.ed-data.org.

Dữ kiện tài chánh của khu học chánh

Bảng này cho thấy thông tin về lương của giáo viên và nhân viên hành chánh của khu học chánh và so sánh với mức lương trung bình trong tiểu bang của các khu học chánh tương tự dựa theo bảng lương. Lưu ý: Dữ kiện về lương của khu học chánh không bao gồm các phúc lợi.

Dữ kiện về lương		Năm tài khóa 2022-23
	Khu Học Chánh Garden Grove	**Khu học chánh cỡ tương tự**
Lương giáo viên mức khởi đầu	$69,358	$56,572
Lương giáo viên mức giữa	$112,263	$87,185
Lương giáo viên mức cao nhất	$135,489	$119,664
Lương trung bình của hiệu trưởng trường tiểu học	$171,982	$148,486
Lương trung bình của hiệu trưởng trường trung cấp	$172,905	$154,835
Lương trung bình của hiệu trưởng trường trung học	$205,644	$170,007
Lương của tổng quản trị	$354,528	$338,699
Lương giáo viên: tỷ lệ phần trăm ngân sách	30.00%	31.41%
Lương nhân viên hành chánh: tỷ lệ phần trăm ngân sách	4.00%	4.86%

So sánh dữ kiện tài chánh

Bảng này cho thấy sự chi tiêu cho mỗi học sinh của trường từ các nguồn không bị giới hạn và lương trung bình của giáo viên của trường và so sánh với dữ kiện của khu học chánh và tiểu bang.

So sánh dữ kiện tài chánh		Năm tài khóa 2022-23
	Chi tiêu cho mỗi học sinh từ các nguồn không bị giới hạn	**Lương trung bình hàng năm của giáo viên**
Chương trình Chuyển tiếp Thành Người Trưởng thành của GGUSD	$19,997	$114,972
Khu Học Chánh Garden Grove	$11,706	$114,799
California	$10,771	$94,625
Trường và khu học chánh: tỷ lệ phần trăm khác biệt	+70.8%	+0.2%
Trường và California: tỷ lệ phần trăm khác biệt	+85.7%	+21.5%

Dữ kiện tài chánh của trường

Bảng sau đây cho thấy lương trung bình của giáo viên của trường và bảng phân tích chi tiêu cho mỗi học sinh của trường từ các nguồn không bị và bị giới hạn.

Dữ kiện tài chánh của trường	
Năm tài khóa 2022-23	
Tổng chi tiêu cho mỗi học sinh	$31,287
Chi tiêu cho mỗi học sinh từ các nguồn bị giới hạn	$11,290
Chi tiêu cho mỗi học sinh từ các nguồn không bị giới hạn	$19,997
Lương trung bình hàng năm của giáo viên	$114,972

Chi tiêu cho mỗi học sinh

Các khoản chi tiêu bổ sung/bị giới hạn dùng tiền mà việc sử dụng phải do luật pháp hoặc người tặng cho phép. Tiền mà khu học chánh hoặc hội đồng giáo dục chỉ định cho các mục đích nhất định thì không bị coi là bị giới hạn. Các khoản chi tiêu căn bản/không bị giới hạn là từ nguồn tiền mà việc sử dụng, trừ khi có hướng dẫn tổng quát, không cần phải do luật pháp hoặc người tặng cho phép.